

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2013**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – THÁNG 3/2014

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát :

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
- Tên viết tắt : VINATRANS
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0300648264

Ngày cấp : 16/03/2010 (đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 06/09/2012)

Nơi cấp : Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM

- Vốn điều lệ : 255.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 255.000.000.000 VNĐ
- *Trụ sở chính :*

Địa chỉ : 406 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP. HCM, Việt Nam

Số điện thoại : 84-8-39414919

Số fax : 84-8-39404770

- Chi nhánh và văn phòng đại diện

Chi nhánh Vinatrans Hà Nội

Địa chỉ : 501 tầng 5, tòa nhà Giảng Võ Lake View, D10 Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh Vinatrans Hải Phòng

Phòng 9-10, tầng 3, tòa nhà Thành Đạt, số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng, Việt Nam

Chi nhánh Vinatrans Quảng Ninh

Số 1, đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, TP Hạ long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Chi nhánh Vinatrans Cần Thơ

95-97-99 Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ, Việt Nam

Chi nhánh Dung Quất – Quảng Ngãi

Thôn Đông Lỗ, xã Bình Thuận, g\huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Văn phòng đại diện tại Vũng Tàu

- Website : www.vinatrans.com
- Mã cổ phiếu : VIN

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (VINATRANS) nguyên trước đây là Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương miền Nam Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 411



BKTTTC/QĐTC vào ngày 14/7/1975 bởi Bộ Kinh tế Tài chính Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam, có trụ sở chính đặt tại 406 Trịnh Minh Thế (nay là Nguyễn Tất Thành) quận 4, TP.HCM.

- Ngày 24/6/1976, cùng với sự thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, Bộ Ngoại thương đã ra Quyết định chuyển Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương miền Nam Việt Nam thành Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh và thành lập Tổng Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam, trong đó Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh là thành viên.
- Ngày 18/01/1995, Bộ Thương mại đã ban hành Quyết định số 51/QĐ-TCCB tách Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh thành doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ và trực thuộc Bộ Thương mại.
- Năm 1996, Công ty đã hoàn thành xong thủ tục đăng ký thành lập lại doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 388/NĐ-CP của Chính phủ và được xếp hạng Doanh nghiệp hạng 1 theo Quyết định của Bộ Thương mại.
- Ngày 08/06/1996, Công ty đã thành lập chi nhánh tại Hà Nội
- Ngày 05/09/1996, Công ty thành lập chi nhánh tại Đà Nẵng
- Ngày 01/10/1998, để phù hợp với hệ thống tổ chức và phạm vi kinh doanh đã được mở rộng trong phạm vi cả nước, được sự đồng ý của Bộ Thương mại, Công ty đã sử dụng tên thương mại chính thức là VINATRANS.
- Ngày 25/12/1998, Công ty thành lập Chi nhánh tại Hải Phòng
- Năm 1999, thực hiện chủ trương cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước của Chính phủ, Công ty đã chuyển Xí nghiệp Đại lý vận tải và Góm hàng thành Công ty cổ phần VINALINK.
- Năm 2002, Công ty tiếp tục cổ phần hoá Xí nghiệp Dịch vụ Kho vận thành Công ty cổ phần VINAFREIGHT; cổ phần hoá chi nhánh Đà Nẵng thành Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải miền Trung. Cuối năm 2002, Công ty thành lập VPĐD tại Cần Thơ
- Năm 2003, Công ty tiếp tục cổ phần hoá Chi nhánh Hà Nội thành Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương.
- Năm 2004, Công ty góp vốn thành lập 2 công ty con là Công ty TNHH VA EXPRESS và Công ty TNHH V-TRUCK và 1 công ty liên kết là Công ty TNHH VECTOR AVIATION.
- Năm 2010, thực hiện chủ trương cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước của Chính phủ, Công ty đã chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0300648264 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 16/03/2010.
- Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, Công ty đã tham gia thành lập các công ty liên doanh với các đối tác nước ngoài: Công ty liên doanh KONOIKE VINA, Công ty liên doanh NISSIN LOGISTICS, Công ty liên doanh AGILITY, Công ty liên doanh HYUNDAI VINATRANS LOGISTICS, Công ty TNHH Logistics Sojitz Viet Nam.
- Năm 2011, Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hàng không Toàn cầu Vina Vinatrans (VAX Global) quyết định giải thể công ty, là công ty con của công ty Vinatrans (Vinatrans góp vốn 60 %).

- Năm 2012, công ty góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt (VIETWAY CO.)

3. **Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :**

➤ Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động, dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- (Chi tiết: giao nhận vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu)
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- (chi tiết: kinh doanh bất động sản)
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Giao nhận và vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu, hàng quá cảnh, hàng ngoại giao, hàng hội chợ triển lãm, thiết bị cho các cuộc biểu diễn văn hoá nghệ thuật, hàng công trình, hàng siêu trường siêu trọng, đồ dùng cá nhân, hàng biếu tặng, hàng mẫu, tài liệu chứng từ bằng đường hàng không, đường biển, đường sông, đường sắt, đường bộ trong và ngoài nước.
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước gom và chia lẻ hàng, quản lý container, đại lý cho các hãng giao nhận, đại lý cho các hãng chuyển phát nhanh, đại lý ký gửi hàng hóa, đại lý thủ tục hải quan, kiểm kiện, kiểm nghiệm, giám định, mua bảo hiểm hàng hóa theo đúng quy định của Nhà nước.
- Đại lý và tổng đại lý cho các hãng hàng không các dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách.
- Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước. Dịch vụ cung ứng tàu biển, tiếp nhận bảo quản hàng hóa máy móc và cung ứng mọi dịch vụ sửa chữa, thay thế máy móc, tàu biển, gửi trả lại hãng tàu những máy móc thiết bị hư để thay thế hoặc dư thừa theo yêu cầu của hãng tàu trong quy trình sửa chữa nâng cấp.
- Thực hiện dịch vụ tư vấn về giao nhận vận tải, xuất nhập khẩu, thủ tục hải quan, thông tin thị trường theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu các loại hàng hoá.
- Kinh doanh dịch vụ logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
- Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức.
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh.
- Tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo.
- Đầu tư xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác bất động sản, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, cao ốc văn phòng, căn hộ chung cư, trung tâm thương mại, nhà hàng.

➤ Địa bàn kinh doanh chính hiện nay

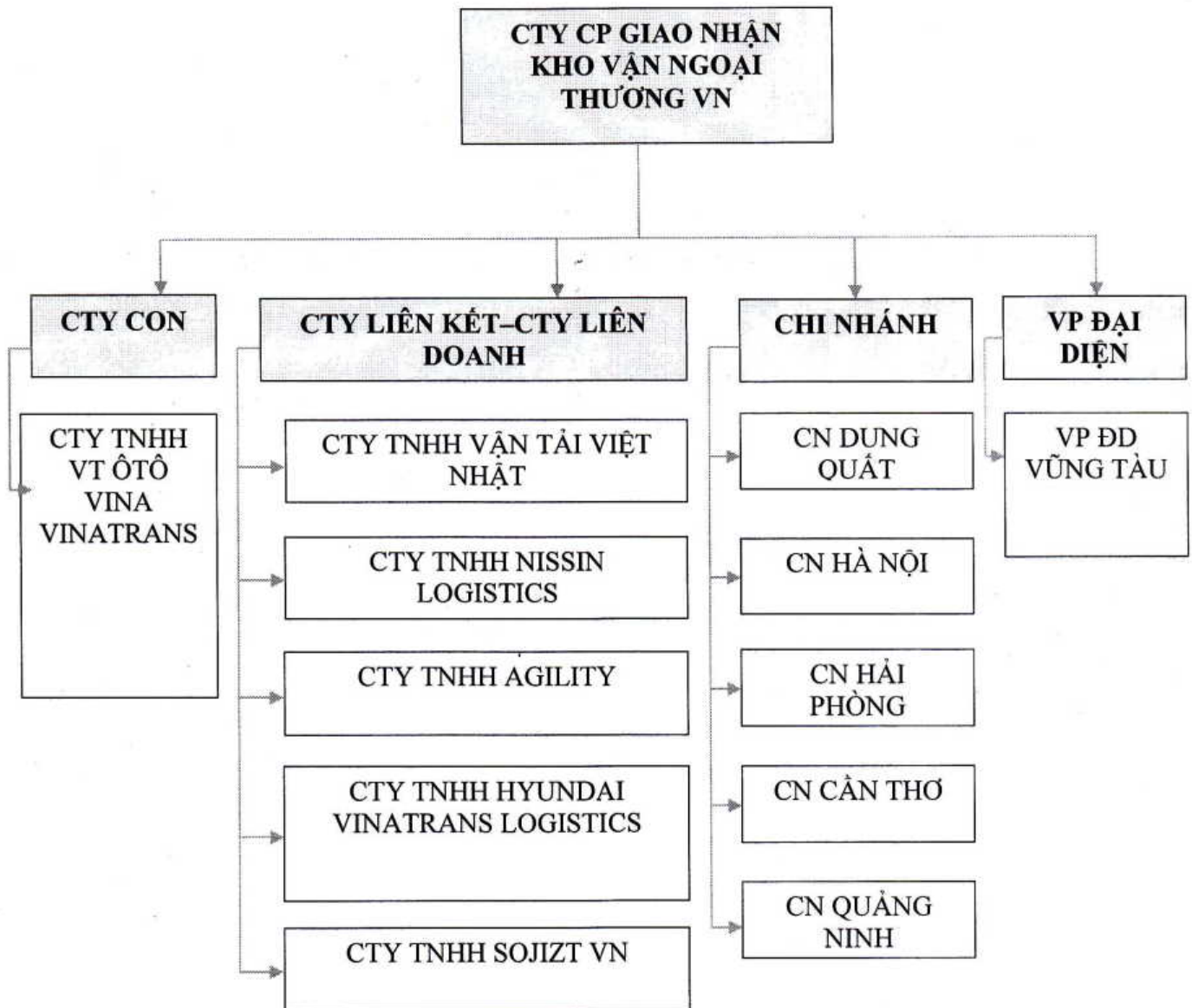
Trong nước : TP HCM, Hà Nội, Hải Phòng, Cần Thơ, Dung Quất

Quốc tế: tập trung thị trường Châu Á, Châu Âu, Châu Mỹ và các nước khác trên thế giới.

TR
TY
HÀ
KH
HƯ
NA
HỒ

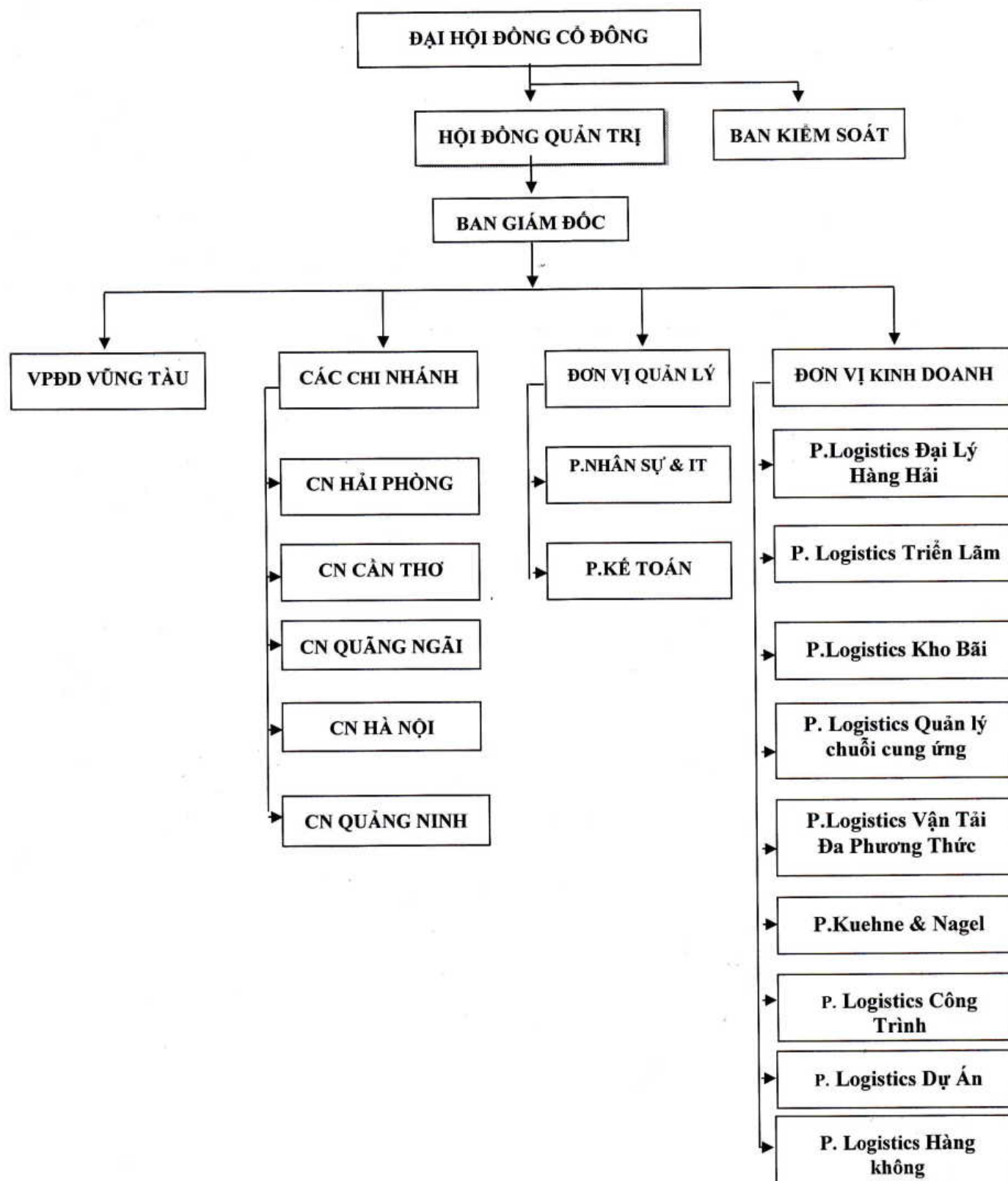
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

➤ Mô hình quản trị



84
VÀ
JNI
CHI

➤ Cơ cấu bộ máy quản lý



➤ Các công ty con, công ty liên kết

Công ty con

- CT TNHH Vận tải Ô Tô Vina Vinatrans
Địa chỉ : 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP HCM
Tỷ lệ sở hữu : 92,51 %

Công ty liên doanh

- CT TNHH Vận tải Việt Nhật
Địa chỉ : 18A, Lưu Trọng Lư, Quận 7, HCM
Tỷ lệ sở hữu : 21,70 %
- CT TNHH Nissin Logistics Việt Nam
Địa chỉ : 201, tầng 2, tòa nhà Ocean Park, số 1, Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội, VN
Tỷ lệ sở hữu : 20 %
- CT TNHH Agility
Địa chỉ : 364 Cộng Hòa, Phường 13 , quận Tân Bình, TP HCM (tòa nhà Etown)
Tỷ lệ sở hữu : 29 %
- CT TNHH Hyundai Vinatrans Logistics
Địa chỉ : 61A-63A Võ Văn Tần, Phường 6, quận 3, HCM
Tỷ lệ sở hữu : 49 %
- CT TNHH Logistics Sojitz (VN)
Địa chỉ : Tòa nhà Alpha Tower, tầng 5, số 151, đường Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, HCM
Tỷ lệ sở hữu : 49 %

5. Định hướng phát triển :

❖ Mục tiêu chính :

Khẳng định thương hiệu Vinatrans, là một trong những doanh nghiệp hàng đầu ngành logistics Việt Nam, phát triển vững mạnh và bền vững.

❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

Phát triển mảng dịch vụ logistics, đầu tư kho bãi.

❖ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty :

Bên cạnh công tác kinh doanh, doanh nghiệp cũng quan tâm đến lợi ích cộng đồng, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện.

Các hoạt động đoàn thể : Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên được duy trì theo nề nếp truyền thống của Công ty, hoàn thành được các nhiệm vụ chính trị, góp phần tích cực vào hoạt động kinh doanh của Công ty

6. Các rủi ro :

➤ Rủi ro về kinh tế vĩ mô :

- Phụ thuộc vào chu kỳ tăng trưởng kinh tế và các hoạt động kinh doanh xuất khẩu :

Sự tăng trưởng của nền kinh tế, nhất là tăng trưởng của hoạt động xuất nhập khẩu có tác động mạnh mẽ đến ngành giao nhận kho vận. Khi nền kinh tế suy thoái, sức mua của các thị trường bị giảm sút làm cho khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu giảm theo, từ đó giảm nhu cầu vận chuyển hàng hóa, giao nhận , lưu kho và các dịch vụ liên quan.

- Rủi ro về lãi suất, lạm phát

Biến động về lãi suất ngân hàng và lạm phát cũng có tác động nhất định đến khoản thu nhập từ đầu tư tài chính ngắn hạn của công ty.

- Rủi ro kinh doanh :

Ngành logistic Việt Nam có qui mô nhỏ và chưa có sự liên minh, liên kết giữa các doanh nghiệp trong ngành. Nguồn nhân lực cung cấp cho các doanh nghiệp trong ngành đang trở nên thiếu hụt trầm trọng . Mặt khác sức ép từ các doanh nghiệp Logistics nước ngoài đang làm mức độ cạnh tranh trong ngành cao.

➤ Rủi ro về luật pháp:

- Hệ thống pháp luật của nước ta hiện nay chưa thật sự hoàn chỉnh và khả năng thực thi chưa cao. Do đó tồn tại nhiều qui định phức tạp chồng chéo trong lĩnh vực hành chính, đặc biệt là trong lĩnh vực hải quan và các hoạt động liên quan đến xuất nhập khẩu. Điều này gây không ít trở ngại cho các doanh nghiệp giao nhận kho vận.
- Ngoài ra trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra những rào cản về pháp lý như luật chống phá giá, quy định về tên gọi hàng hóa... gây rất nhiều khó khăn cho doanh nghiệp trong nước trong vấn đề xuất khẩu, qua đó gây nên những rủi ro cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ giao nhận.

➤ Rủi ro khác :

- Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của công ty. Vì vậy công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và



đảm bảo thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn lao động , phòng cháy chữa cháy, cũng như mua bảo hiểm về con người và hàng hóa.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013:

1. Tình hình kinh doanh năm 2013 :

- Nhìn chung, tình hình thị trường có diễn biến không được thuận lợi, số lượng dự án đầu tư đều sút giảm làm ảnh hưởng khá lớn đến hoạt động vận tải, nhất là mảng vận tải hàng siêu trường siêu trọng. Các cảng biển thiếu tàu vào, các hãng tàu thì bỏ chuyến hoặc giảm tần suất vào Việt Nam.
- Các dự án lớn Công ty đang thực hiện đã đi vào giai đoạn cuối nên khối lượng hàng hóa máy móc thiết bị nhập khẩu bị giảm mạnh
- Thủy sản – một mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam trong các năm qua – cũng gặp khó khăn trong năm nay, các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu lớn tại miền Tây Nam Bộ hiện đang gặp khó khăn về tài chính và lâm vào tình trạng phá sản hoặc tạm ngưng sản xuất. Do vậy, hoạt động của các doanh nghiệp giao nhận vận tải tại khu vực này cũng bị tác động mạnh, phát sinh tình trạng trong khi sản lượng hàng hóa giao nhận vận chuyển giảm sút nhưng doanh nghiệp giao nhận vận tải lại phải từ chối ký hợp đồng với doanh nghiệp thủy sản do nguy cơ rủi ro tài chính.
- Sức mua của thị trường bị giảm sút đáng kể, lượng hàng hóa tiêu dùng nhập khẩu giảm đã tác động đến hoạt động kinh doanh cước vận tải nhập khẩu và lưu kho phân phối hàng hóa của Công ty.

Tuy vậy, kết quả kinh doanh năm 2013 của Công ty vẫn tăng trưởng 30% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do nguồn thu bất thường từ đầu tư tài chính và do các yếu tố chính sau:

- Công tác bán hàng được đẩy mạnh, hầu hết các phòng trong Công ty đều được bổ sung nhân viên sales mới.
- Tuy số lượng khách hàng lớn hầu như không tăng trong năm qua nhưng với sự bổ sung thêm nhân viên sales cho các phòng kinh doanh đã làm tăng thêm mạng lưới khách hàng vừa và nhỏ, đóng góp nhất định vào nguồn thu chung của Công ty.
- Cổ tức nhận được từ các công ty con và công ty liên kết tăng bất thường và khoản hoàn nhập từ dự phòng tài chính cũng đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh của Công ty.

- Kết quả thực hiện năm 2013:

Hầu hết các đơn vị trong Công ty đều đạt được kế hoạch kinh doanh đã đề ra, chỉ một vài đơn vị kinh doanh nhỏ không đạt được kế hoạch do yếu tố khách quan, tuy nhiên do tỷ trọng của các đơn vị này tương đối nhỏ nên không ảnh hưởng nhiều đến kết quả chung của toàn Công ty.

30C
ON
ĐI
NHÀ
ĐẠI
VIỆT
- TP

Kết quả kinh doanh năm 2013 : (theo báo cáo tài chính công ty)

- Tổng DT: 870 tỷ đồng, bằng 109% KH cả năm và bằng 110% năm trước
- Tổng LNTT: 35,99 tỷ đồng, bằng 106% KH cả năm và bằng 134% năm trước
- Tổng LNST: 28,50 tỷ đồng, bằng 104% KH cả năm và bằng 135% năm trước

2. Tổ chức và nhân sự :

➤ Cơ cấu tổ chức của công ty : Hiện tại công ty có

* Ban Giám Đốc : gồm Tổng Giám Đốc, 3 Phó Tổng Giám Đốc và kế toán trưởng.

Họ và tên:	VŨ THẾ ĐỨC – Tổng Giám Đốc
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	9/3/1957
Nơi sinh:	Nam Định
CMND:	022079758 cấp ngày 28/3/2011 tại TP HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Nam Định
Địa chỉ thường trú:	102C Nguyễn Văn Cừ , P. Nguyễn Cư Trinh Q 1 TPHCM
Số ĐT liên lạc:	39414 919
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử Nhân Kinh tế Ngoại Thương , Kỹ Sư Địa chất Dầu Khí
Quá trình công tác	
+ 1983 đến năm 1987 công tác tại Viện Dầu Khí Việt Nam	
+ 1987 đến nay công tác tại Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương TP. Hồ Chí Minh (Vinatrans).	
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty:	Chủ Tịch HĐQT, Tổng Giám Đốc
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	+ Chủ Tịch HĐQT Công ty LD KonoikeVina + Thành viên HĐQT Công ty Vinalink + Thành viên HĐQT công ty Vinafreight
Số cổ phần nắm giữ :	5.118.000 cổ phần, chiếm 20.07 % vốn thực góp
+ Đại diện sở hữu :	5.100.000 cổ phần, chiếm 20% vốn thực góp

+ Cá nhân sở hữu :	18.000 cổ phần, chiếm 0,07% vốn thực góp
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

Họ và tên:	TRƯƠNG MINH LONG – Phó Tổng Giám Đốc
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	10/08/1969
Nơi sinh:	Hội An, Quảng Nam
CMND:	022248613, cấp ngày 02/06/2006 tại CA TP.HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hội An, Quảng Nam
Địa chỉ thường trú:	407/10 Lê Văn Sỹ, P. 12, Q.3, TP. Hồ Chí Minh
Số ĐT liên lạc:	39414 919
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
+ 1993 đến nay công tác tại Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương TP. Hồ Chí Minh (Vinatrans).	
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	+ Thành viên HĐQT Công ty Vinalink + Thành viên HĐQT Công ty Vinatrans Danang
Số cổ phần nắm giữ :	5.105.000 cổ phần, chiếm 20,02 % vốn thực góp
+ Đại diện sở hữu :	5.100.000 cổ phần, chiếm 20% vốn thực góp
+ Cá nhân sở hữu :	5.000 cổ phần, chiếm 0,02% vốn thực góp
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

<i>Họ và tên:</i>	<u>LƯƠNG NGỌC BẢO</u>
<i>Giới tính:</i>	NAM
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	13/09/1959
<i>Nơi sinh:</i>	HA NOI
<i>CMND:</i>	023849378
<i>Quốc tịch:</i>	VIET NAM
<i>Dân tộc:</i>	KINH
<i>Quê quán:</i>	CAT HANH – PHU CAT - BINH DINH
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	P17-LO B-CC 750/1BIS NGUYEN KIEM – F.4 - PHU NHUAN – TP. HOCHIMINH
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	+84 – 8 – 39405163
<i>Trình độ văn hóa:</i>	10 / 10
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	CU NHAN
Quá trình công tác	
+ 1982 – 1990 : DAI LY HANG HAI DA NANG – CAN BO QUAN LY TAU + 1990 – 1993 : TCTY VIETRANSCIMEX – PHONG XNK & BQL KHAI THAC TAU + 1993 – 2011 : CTY VINATRANS – PHONG DAI LY HANG HAI + 2011 – NAY : CTY VINATRANS – PHO TONG GIAM DOC	
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	PHO TONG GIAM DOC
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	+ Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương
<i>Số cổ phần nắm giữ :</i>	14.100 cổ phần
<i>+ Đại diện sở hữu :</i>	
<i>+ Cá nhân sở hữu :</i>	14.100 cổ phần, chiếm 0,055 % vốn thực góp
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không

Họ và tên:	Phạm Tú Anh
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	13/11/1975
Nơi sinh:	Hà Nội
CMND:	022875620
Quốc tịch:	Việt nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hà Nội
Địa chỉ thường trú:	78 Nguyễn Thái Sơn, F3, Gò Vấp
Số ĐT liên lạc:	0909557742
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	MBA, MSc
Quá trình công tác	
+ 2006-nay: Trưởng phòng, Phó tổng giám đốc Cty Vinatrans. + 2003-2005: Học MBA tại Đan Mạch + 1999-2003: Nhân viên Cty Vinatrans + 1998-1999: Giảng viên khoa công trình-trường Đại học Hàng Hải-Phân hiệu phía Nam	
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Phó tổng giám đốc, giám đốc chi nhánh Hà Nội, Quảng Ngãi, Trưởng Đại diện VP Vũng Tàu
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số cổ phần nắm giữ :	16.500
+ Đại diện sở hữu :	
+ Cá nhân sở hữu :	16.500 cổ phần, chiếm 0,065 % vốn thực góp
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

<i>Họ và tên:</i>	NGUYỄN BÍCH LIÊN – Kế toán trưởng
<i>Giới tính:</i>	Nữ
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	12/08/1975
<i>Nơi sinh:</i>	Hà Nội
<i>CMND:</i>	022840370, cấp ngày 18/03/2005 tại CA TP.HCM
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Hồ Chí Minh
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	22 Cư xá tự do, CMTT, P. 7, Q.Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	39414 919
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
+ 1998 đến nay công tác tại Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương TP. Hồ Chí Minh (Vinatrans).	
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty</i>	Kế toán trưởng
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	
<i>Số cổ phần nắm giữ :</i>	10.000 cổ phần, chiếm 0,039% vốn thực góp
<i>+ Đại diện sở hữu :</i>	
<i>+ Cá nhân sở hữu :</i>	10.000 cổ phần, chiếm 0,039% vốn thực góp
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không

➤ Số lượng người lao động trong công ty :

Tại thời điểm 31/12/2013, tổng số lao động của công ty là 275 người.

Chính sách đối với người lao động :

Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, yếu tố con người được công ty Vinatrans chú trọng đầu tư rất lớn.

Năm 2013, Công ty tiếp tục đảm bảo việc làm thường xuyên, ổn định cho 100% lao động trong Công ty. Trong năm, Công ty tiếp tục đẩy mạnh việc đào tạo nghiệp vụ cho CB-CNV, đã đăng ký cho 32 nhân viên học khóa đào tạo nghiệp vụ hải quan do Trường Cao đẳng Hải quan tổ chức; cử 3 lượt người đi công tác nước ngoài, tuyển dụng 45 nhân viên mới để đáp ứng nhu cầu công việc ngày càng tăng và bù đắp số lượng nhân viên nghỉ việc và nghỉ hưu (20 người). Các chế độ, chính sách đối với người lao động được thực hiện tốt.

3. Tình hình đầu tư :

Theo kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, năm 2013 Công ty đầu tư các hạng mục sau:

STT	Hạng mục	Số lượng	Số tiền (đồng)
1	Xe kéo container và rơ-móc	10 xe kéo container và 10 rơ-móc	14.000.000.000
2	Xe nâng hàng	02 xe	1.500.000.000
		Tổng cộng:	15.500.000.000

Do tiến độ thực hiện dự án của khách hàng bị chậm, ảnh hưởng đến khối lượng hàng hóa vận chuyển nên Công ty chưa thực hiện hạng mục đầu tư số 1 này.

Hạng mục đầu tư số 2 nhằm trang bị thêm phương tiện kinh doanh cho kho hàng. Hiện nay, theo nhu cầu của khách hàng Công ty đang tiến hành đầu tư xây thêm 2 kho hàng mới, do đó việc trang bị xe nâng hàng sẽ được tính toán lại cho phù hợp với quy mô lớn hơn. Vì vậy, Công ty dời hạng mục đầu tư này sang năm 2014.

Trong năm 2013, do nhu cầu của khách hàng, Công ty đã đề nghị bổ sung 2 hạng mục đầu tư và đã được Tổng Công ty chấp thuận, 2 hạng mục đầu tư mới này đã được chuẩn bị trong năm 2013 và sẽ được thực hiện trong năm 2014.

4. Tình hình tài chính :

a. Tình hình tài chính :

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2012	NĂM 2013	% TĂNG GIẢM
	Tổng giá trị tài sản	487.413.325.231	509.014.588.363	4,43 %
	Doanh thu thuần	788.689.388.111	870.105.625.428	10,32 %
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	26.135.752.931	29.907.639.530	14,43 %
	Lợi nhuận khác	643.734.762	6.084.226.239	845,14 %
	Lợi nhuận trước thuế	26.779.487.693	35.991.865.769	34,40 %
	Lợi nhuận sau thuế	21.147.701.663	28.501.820.551	34,78 %
	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	96 %	89 %	-7,25 %

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
1	Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh	1,765 lần 1,765 lần	1,716 lần 1,686 lần
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	42,96 % 75,31 %	44,27 % 79,43 %
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> + Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,62 vòng	1,71 vòng
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2,68 % 7,61 %	3,28 % 10,05 %

2. Tình hình tài chính :

➤ Tình hình tài sản :

Chỉ tiêu	2012	2013	Thay đổi (%)
Tài sản ngắn hạn	369.509.500.587	386.487.151.881	4,6 %
Tài sản dài hạn	117.903.824.644	122.527.436.482	3,92 %
Tổng tài sản	487.413.325.231	509.014.588.363	4,43 %

➤ Tình hình nợ phải trả :

Chỉ tiêu	2012	2013	Thay đổi
Nợ ngắn hạn	209.311.948.274	225.249.133.759	7,614
Nợ dài hạn	74.250.000	74.250.000	
Nợ phải trả	209.386.198.274	225.323.383.759	7,611

3. Kế hoạch kinh doanh 2014 :

➤ Một số đặc điểm chính trong năm 2014 :

- Tình hình kinh tế năm 2014 có thể sẽ tiếp tục khó khăn nhưng Chính phủ dự báo các chỉ tiêu kinh tế sẽ tăng trưởng so với năm 2013.
- Riêng về ngành kinh doanh logistics : năm 2014 là năm Việt Nam sẽ mở cửa hoàn toàn loại hình kinh doanh dịch vụ logistics cho các công ty nước ngoài , theo đó các hãng giao nhận nước ngoài sẽ được phép thành lập công ty 100 % vốn tại Việt Nam. Trong năm 2013, doanh thu và lợi nhuận trước thuế từ các hãng giao nhận này chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng nguồn thu của công ty.
- Nguồn thu từ cổ tức trong năm 2014 sẽ giảm do trong năm 2013 công ty nhận cổ tức tích dồn từ các công ty con và công ty liên kết.
- Ngoài ra, nguồn hoàn nhập từ đầu tư tài chính sẽ giảm đáng kể trong năm 2014 vì các chứng khoán công ty đầu tư đã được hoàn nhập phần lớn các khoản dự phòng trong năm 2013

➤ Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh :

- Tổng doanh thu : 360 tỷ đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế : 22,8 tỷ đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế : 19,3 tỷ đồng
- Cổ tức : 600 đồng / cổ phần

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ :

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty

Trong tình hình kinh tế năm 2013 còn nhiều diễn biến không thuận lợi, kết quả kinh doanh năm 2013 của Công ty vẫn tăng trưởng 30% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành vượt mức kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận đã đề ra cụ thể :

- Tổng doanh thu: 870 tỷ đồng, bằng 109% kế hoạch và bằng 110% năm trước
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 35,99 tỷ đồng, bằng 106% kế hoạch và bằng 134% năm trước
- Tổng lợi nhuận sau thuế: 28,5 tỷ đồng, bằng 104% kế hoạch và bằng 135% năm trước
- Cổ tức: 1.000 đồng/cổ phần, bằng 125% cổ tức năm trước

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban tổng Giám đốc công ty:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua chủ trương chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời là Tổng Giám đốc điều hành Công ty . Chủ trương này đã tạo nhiều thuận lợi, nhất quán trong mọi hoạt động quản lý, điều hành. Từ đó, mọi chủ trương, chính sách thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị giải quyết nhanh chóng cho hoạt động của công ty. Tuy nhiên hội đồng quản trị cũng giám sát hoạt động của Tổng Giám Đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị
- Năm 2013, Ban Giám Đốc đã tuân thủ đúng định hướng của HĐQT đã đề ra, thể hiện trách nhiệm cao, năng động và đoàn kết vượt qua những khó khăn, tận dụng hiệu quả được những thuận lợi và các nguồn lực để thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế đề ra là hoàn thành vượt mức chỉ tiêu về doanh thu-lợi nhuận do ĐHĐCĐ năm 2013 đề ra.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị :

- Tăng cường hơn nữa việc hoạch định chiến lược và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo sát sao, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư cao và sự phát triển bền vững cho công ty.
- Tiếp tục theo định hướng tập trung vào việc phát triển dịch vụ logistics. Duy trì và phát triển thương hiệu, hình ảnh và uy tín của Công ty trên thị trường.
- Tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa lợi nhuận trong bối cảnh kinh tế ngắn hạn và trung hạn được dự báo vẫn còn khó khăn.
- Đẩy mạnh hơn nữa công tác giám sát hoạt động của Ban Giám Đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của công ty được an toàn , tuân thủ theo đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị :

➤ Danh sách Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm 05 người, trong đó thành viên độc lập : 01 người

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của các thành viên HĐQT, BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ/ VĐL tại 31.12.2013
1	Vũ Thế Đức	Chủ tịch HĐQT	20,07 %
2	Nguyễn Minh Xuân	Thành viên HĐQT (TV độc lập)	55,37 %
3	Trương Minh Long	Thành viên HĐQT	20,02 %
4	Lương Ngọc bảo	Thành viên HĐQT	0,06 %
5	Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	0,03 %

➤ Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Vũ Thế Đức	Chủ tịch	3	100%
2	Nguyễn Minh Xuân	Ủy viên	3	100%
3	Trương Minh Long	Ủy viên	3	100%
4	Nguyễn Quốc Huy	Ủy viên	3	100%
5	Lương Ngọc Bảo	Ủy viên	3	100%

➤ Các nghị quyết của Hội đồng quản trị

TT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
1	04/2013/HĐQT- NQ	16/03/2013	Cử đại diện vốn tại VNT Logistics
2	06/2013/HĐQT	23/03/2013	• Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 • Thông qua Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán, phương án phân phối lợi nhuận năm 2012 • Thông qua việc Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty • Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT thực hiện việc giảm vốn điều lệ theo các quy định hiện hành • Thông qua việc sửa đổi điều lệ công ty theo TT

			121/2012/TT-BTC
3	11/2013/HĐQT	08/05/2013	Chia cổ tức 2012
4	13/2013/HĐQT	08/05/2013	Ban hành quy chế quản trị công ty
5	14/2013/HĐQT	22/7/2013	QĐ của HĐQT về đầu tư xây dựng kho 161 Nguyễn Văn Quỳ, Q.7
6	17/2013/HĐQT	21/11/2013	Lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên upcom

➤ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

2. Ban kiểm soát :

➤ Danh sách Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ/ VDL tại 31.12.2012
1	Đỗ Thị Long Châu	Trưởng BKS	
2	Vũ Thị Bình Nguyên	Thành viên BKS	0,02 %
3	Võ Hồng Tương	Thành viên BKS	0,01 %

➤ Hoạt động của Ban kiểm soát

- Trong năm Ban Kiểm Soát đã thực hiện báo cáo kiểm soát hàng quý theo đúng quy định của Điều lệ Công Ty, đánh giá, giám sát tình hình kinh doanh trong quý, kịp thời phản ánh, ghi nhận hoạt động của Công ty để báo cáo cho Hội Đồng Quản trị họp hàng quý.
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2013.
- Trong năm, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp hàng quý và thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để triển khai nghị quyết của đại hội cổ đông; thảo luận và quyết nghị về những vấn đề chính yếu của Công Ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.
- HĐQT, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác đã cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty, tạo điều kiện cho công tác kiểm soát được thuận lợi. Các thành viên BKS tham dự các họp giao ban, Trưởng ban tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT.

3. Giao dịch, thù lao, lợi ích khác

➤ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ : không có.

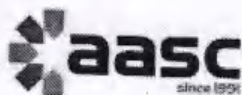
➤ Thù lao của HĐQT và ban kiểm soát trong năm 2013 : 276.000.000 đồng.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH :

(Xem trang sau)

*(Toàn văn báo cáo tài chính kiểm toán 2013 được đăng tải trên website của công ty :
www.vinatrans.com)*





Số: 161/2014/BC.KTTC-AASC.KT7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam được lập ngày 26 tháng 02 năm 2014, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

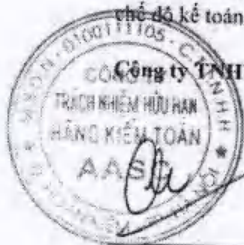
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0725-2013-002-1
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Nguyễn Quang Huy
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1126-2013-002-1

598
CƠ
CỔ
ONH
GOA
VIỆ
4-T

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		386.487.151.881	369.509.500.587
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	139.536.332.212	166.405.815.377
111	1. Tiền		69.150.332.212	25.115.465.377
112	2. Các khoản tương đương tiền		70.386.000.000	141.290.350.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	66.304.081.750	3.814.452.323
121	1. Đầu tư ngắn hạn		66.304.081.750	3.814.452.323
130	III. Các khoản phải thu		171.927.069.386	197.766.163.738
131	1. Phải thu của khách hàng		92.422.681.699	73.025.986.508
132	2. Trả trước cho người bán		77.457.136.146	121.094.260.056
135	5. Các khoản phải thu khác	5	2.207.296.879	3.766.820.875
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(160.045.338)	(120.903.701)
140	IV. Hàng tồn kho	6	6.766.720.633	-
141	1. Hàng tồn kho		6.766.720.633	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.952.947.900	1.523.069.149
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		217.303.175	135.092.908
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	1.710.644.725	576.239.474
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	25.000.000	811.736.767
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		122.527.436.482	117.903.824.644
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		24.040.517.773	26.667.054.458
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	14.203.596.798	16.794.106.111
222	- Nguyên giá		21.720.635.158	22.212.548.636
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.517.038.360)	(5.418.442.525)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	9.836.920.975	9.872.948.347
228	- Nguyên giá		9.911.978.000	9.926.739.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(75.057.025)	(53.790.653)
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		97.127.992.787	90.623.824.242
251	1. Đầu tư vào công ty con	11	17.947.700.000	17.243.086.255
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	12	33.468.637.133	33.468.637.133
258	3. Đầu tư dài hạn khác	13	48.283.172.454	48.283.172.454
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(2.571.516.800)	(8.371.071.600)
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.358.925.922	612.945.944
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	459.879.492	383.899.514
268	3. Tài sản dài hạn khác	16	899.046.430	229.046.430
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		509.014.588.363	487.413.325.231

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
300	A. Nợ phải trả		225.323.383.759	209.386.198.274
310	I. Nợ ngắn hạn		225.249.133.759	209.311.948.274
312	2. Phải trả cho người bán		153.262.476.418	141.111.384.841
313	3. Người mua trả tiền trước		152.122.015	117.716.811
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	3.346.897.633	3.415.657.847
315	5. Phải trả người lao động		11.412.885.323	5.490.463.476
316	6. Chi phí phải trả	18	1.645.541.890	4.917.760.690
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	50.079.187.554	49.043.011.525
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		5.350.022.926	5.215.953.084
330	II. Nợ dài hạn		74.250.000	74.250.000
333	3. Phải trả dài hạn khác	20	74.250.000	74.250.000
400	B. Nguồn vốn chủ sở hữu		283.691.204.604	278.027.126.957
410	I. Nguồn vốn chủ sở hữu	21	283.691.204.604	278.027.126.957
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		255.000.000.000	255.000.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		136.193.960	136.193.960
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		28.555.010.644	22.890.932.997
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		509.014.588.363	487.413.325.231

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT

	31/12/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại		
USD	1.670.529,30	308.327,77
EUR	228,52	239,44

Người lập

Cao Thị Mỹ Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Bích Liên

Lập ngày 31/12/2013 năm 2014



Vũ Thế Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2013

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	870.105.625.428	788.689.388.111
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		870.105.625.428	788.689.388.111
11	4. Giá vốn hàng bán	23	850.285.325.848	771.406.885.729
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.820.299.580	17.282.502.382
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	21.902.800.543	28.222.714.879
22	7. Chi phí tài chính	25	(4.946.802.946)	(1.679.748.726)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	16.762.263.539	21.049.213.056
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		29.907.639.530	26.135.752.931
31	11. Thu nhập khác	27	6.087.621.655	646.632.876
32	12. Chi phí khác	28	3.395.416	2.898.114
40	13. Lợi nhuận khác		6.084.226.239	643.734.762
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		35.991.865.769	26.779.487.693
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	7.490.045.218	5.631.786.030
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>28.501.820.551</u>	<u>21.147.701.663</u>

Người lập

Kế toán trưởng



Cao Thị Mỹ Trang



Nguyễn Bích Liên

Lập ngày 26 tháng 02 năm 2014



Vũ Thế Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		35.991.865.769	26.779.487.693
	2. Điều chỉnh các khoản		(24.944.123.898)	(30.773.292.589)
02	- Khấu hao TSCĐ		2.402.394.831	2.438.469.997
03	- Các khoản dự phòng		(5.760.413.163)	(5.717.955.469)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		190.686.763	260.670.294
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(21.776.792.329)	(27.754.477.411)
08	3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.047.741.871	(3.993.804.896)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		24.071.261.433	(33.608.820.690)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(6.766.720.633)	-
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		16.423.757.518	20.097.533.989
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(158.190.245)	6.309.412.853
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(8.106.476.593)	(4.276.566.759)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.652.247.190	98.180.471
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.924.951.316)	(8.754.297.624)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		37.238.669.225	(24.128.362.656)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(128.422.073)	(359.379.091)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(65.000.000.000)	(271.015.258.769)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.510.370.573	267.925.800.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(4.715.000.000)	(12.809.489.800)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		23.495.835.949	29.264.854.049
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(43.837.215.551)	13.006.526.389
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(20.404.210.500)	(15.301.659.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(20.404.210.500)	(15.301.659.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(27.002.756.826)	(26.423.495.267)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		166.405.815.377	192.568.640.350
61	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến quy đổi ngoại tệ		133.273.661	260.670.294
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	139.536.332.212	166.405.815.377

Người lập

Kế toán trưởng

Cao Thị Mỹ Trang

Nguyễn Bích Liên

Lập ngày 26 tháng 02 năm 2014



Vũ Thế Đức

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**

TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ THẾ ĐỨC